

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Mẫu B 02-DN
 Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,598,905,394,039	1,774,499,963,165	7,205,877,913,915	5,615,837,500,063
2. Các khoản giảm trừ	03		34,172,584,695	65,979,293,464	111,376,699,901	139,774,134,962
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-01-03)	10		2,564,732,809,344	1,708,520,669,701	7,094,501,214,014	5,476,063,365,101
4. Giá vốn hàng bán	11		2,368,940,392,677	1,599,027,745,969	6,545,619,320,208	5,067,687,550,805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		195,792,416,667	109,492,923,733	548,881,893,806	408,375,814,297
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	16,146,807,494	15,200,040,886	40,722,302,475	44,332,765,204
7. Chi phí tài chính	22	21	43,340,094,683	23,368,741,211	118,936,711,731	75,837,823,821
Trong đó: Chi phí lãi vay phải trả	23		26,550,652,300	20,489,983,201	78,975,110,978	55,873,433,933
8. Chi phí bán hàng	24		58,863,867,186	23,373,115,497	201,293,952,637	167,312,137,422
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		47,825,752,868	38,911,381,622	107,740,478,104	89,908,630,042
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61,909,509,424	39,039,726,289	161,633,053,809	119,649,988,216
11. Thu nhập khác	31	22	4,099,120,509	7,563,926,326	13,690,037,848	11,444,761,417



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lô 6-Petro Việt Nam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

12. Chi phí khác	32	23	1,229,760,042	141,737,061	2,672,767,073	150,847,790
13. Lợi nhuận khác	40		2,869,360,467	7,422,189,265	11,017,270,775	11,293,913,627
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64,778,869,891	46,461,915,554	172,650,324,584	130,943,901,843
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	24	18,113,166,310	10,938,078,758	47,753,032,031	21,354,790,251
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		46,665,703,581	35,523,836,797	124,897,292,553	109,589,111,592
Phân bổ cho :						
- Lợi ích cổ đông thiểu số			406,864,265		451,058,143	
- Cổ đông của Tổng Công ty			46,258,839,316	35,523,836,797	124,446,234,410	109,589,111,592
18. Lợi trên cổ phiếu	70		843	739	2,253	2,256

NGƯỜI LẬP BIỂU


 Lê Thị Chiến

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 Đào Văn Đại

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ